

Số: 691/QĐ-UEF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 705/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng trường và Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 705/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I như nội dung Phụ lục I kèm theo Quyết định này.
2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II như nội dung Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khảo thí, Trưởng ban Thanh tra, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT; V.ĐTSĐH.



Nguyễn Thanh Giang

Phụ lục I

YÊU CẦU VỀ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

*(Kèm theo Quyết định số 691/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh

a) Ngành phù hợp gồm:

- Quản trị kinh doanh (7340101)

b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Các ngành cùng lĩnh vực đào tạo với ngành Quản trị kinh doanh (cùng mã cấp II: 734 - Kinh doanh và quản lý);

- Các ngành khác (không cùng mã cấp II) với ngành Quản trị kinh doanh.

Đối với các ngành không cùng mã cấp II với ngành Quản trị kinh doanh, người dự tuyển phải có giấy xác nhận của cơ quan công tác về việc đang làm công việc có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

c) Danh mục các học phần cần bổ sung kiến thức:

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Quản trị học	3
2	Kinh tế vi mô	3
3	Kinh tế vĩ mô	3
4	Marketing căn bản	3
5	Nguyên lý kế toán	3
6	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3

2. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế

a) Ngành phù hợp gồm:

- Luật kinh tế (7380107)
- Luật (7380101)
- Luật hiến pháp và luật hành chính (7380102)
- Luật dân sự và tố tụng dân sự (7380103)
- Luật hình sự và tố tụng hình sự (7380104)
- Luật quốc tế (7380108)
- Luật thương mại quốc tế (7380109)
- Luật kinh doanh (7380110)

b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Các ngành có mã cấp III thuộc nhóm ngành:

Kinh tế học (73101)



Kinh doanh	(73401)
Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	(73402)
Kế toán - Kiểm toán	(73403)
Quản trị - Quản lý	(73404)
- Giáo dục pháp luật	(7140248)
- Quản lý nhà nước	(7310205)
- Trinh sát an ninh	(7860101)
- Trinh sát cảnh sát	(7860102)
- Điều tra hình sự	(7860104)
- Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	(7860109)
- Quản lý trật tự an toàn giao thông	(7860110)
- Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	(7860111)
- Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân	(7860112)
- Hậu cần công an nhân dân	(7860116)

Đối với các ngành phải học bổ sung kiến thức, người dự tuyển phải có giấy xác nhận của cơ quan công tác.

c) Danh mục các học phần cần bổ sung kiến thức:

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Luật thuế	3
2	Luật Hiến pháp	3
3	Luật thương mại	3
4	Luật doanh nghiệp	3
5	Luật dân sự	3
6	Pháp luật thương mại quốc tế	3

3. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng

a) Ngành phù hợp gồm:

- Tài chính - Ngân hàng	(7340201)
- Bảo hiểm	(7340204)
- Công nghệ tài chính	(7340205)

b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Các ngành có mã cấp III thuộc nhóm ngành:

Kinh tế học	(73101)
Kinh doanh	(73401)
Kế toán - Kiểm toán	(73403)
Quản trị - Quản lý	(73404)

c) Danh mục các học phần cần bổ sung kiến thức:

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3
2	Kinh tế vi mô	3
3	Kinh tế vĩ mô	3
4	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3
5	Marketing căn bản	3
6	Quản trị học	3

4. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán

a) Ngành phù hợp gồm:

- Kế toán (7340301)
- Kiểm toán (7340302)

b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Các ngành có mã cấp III thuộc nhóm ngành:

Kinh tế học (73101)

Kinh doanh (73401)

Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402)

Quản trị - Quản lý (73404)

c) Danh mục các học phần cần bổ sung kiến thức:

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3
2	Kinh tế vi mô	3
3	Kinh tế vĩ mô	3
4	Nguyên lý kế toán	3
5	Marketing căn bản	3
6	Quản trị học	3

5. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh

Ngành phù hợp gồm:

- Ngôn ngữ Anh (7220201)
- Sư phạm Tiếng Anh (7140231)

6. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng

a) Ngành phù hợp gồm:

- Quan hệ công chúng (7320108)

b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Báo chí (7320101)

- Truyền thông đa phương tiện (7320104)
- Truyền thông đại chúng (7320105)
- Công nghệ truyền thông (7320106)
- Truyền thông quốc tế (7320107)
- Truyền thông doanh nghiệp (7320109)
- Quảng cáo (7320110)
- Truyền thông số (7320111)
- Thông tin - Thư viện (7320201)
- Quản lý thông tin (7320205)
- Digital Marketing (7340114)
- Marketing (7340115)
- Quản trị công nghệ truyền thông (7340410)
- Quản trị sự kiện (7340412)
- Quản trị thương hiệu (7349001)
- Quản lý giải trí và sự kiện (7349002)
- Marketing và Truyền thông (7900102)

c) Danh mục các học phần cần bổ sung kiến thức:

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Viết hiệu quả	3
2	Quan hệ công chúng	3
3	Báo in và báo điện tử	3
4	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	3
5	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	3
6	Kỹ thuật quay và dựng phim	3

7. Các trường hợp đặc biệt sẽ do các Tiểu ban chuyên môn xem xét, đề xuất, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt./.

umv

Phụ lục II

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG
CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG
LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Quyết định số 691/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate	B1	B2
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2	Level 3
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	43-58	59-75
		Versant English Placement Test (VEPT)	B1	B2
		Oxford Test of English (OTE)	B1	B2
		LANGUAGECERT	B1	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2